

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/7/2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thường

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Kim Đ** sinh năm 1996 (vắng mặt).

HKTT: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp Th, xã ĐH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D** sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Kim Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào tháng 9/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 21/9/2018. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh D không lo đi làm mà chỉ lo ăn nhậu, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Từ tháng 3/2019, khi chị sinh em bé thì chị đã về

nhà cha mẹ ruột sống, anh D sống ở nhà cha mẹ ruột của anh D. Thỉnh thoảng anh D có đến thăm nhưng đa số các lần đến thăm, anh D đều có uống rượu và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh D có đến thăm và có yêu cầu chị làm đơn ly hôn thì anh D sẽ ký nhưng khi Tòa mời thì anh D lại không đi. Nay yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng H sinh ngày 09/4/2019. Chị Đ yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Kim Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2018. Sau khi cưới, anh sống ở ấp M, chị Đ sống ở ấp Th cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh làm không ra tiền, chị Đ hay cự cãi. Nay anh không đồng ý ly hôn do anh còn thương con.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng H sinh ngày 09/4/2019. Hiện cháu H đang sống với chị Đ, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Kim Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh D, giao cháu H cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét. Chị Đ phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Phạm Kim Đ vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đ và anh D.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ: “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Kim Đ và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 21/9/2020 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không lo đi làm mà chỉ lo ăn nhậu, vợ chồng thường xuyên cự cãi và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Anh D không đồng ý ly hôn và cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là anh làm không ra tiền, chị Đ hay cự cãi. Xét thấy, anh D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, sống chung với nhau, không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện anh D không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn anh D.

[4] Về con chung: Chị Phạm Kim Đ yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H sinh ngày 09/4/2019. Xét thấy, hiện cháu H đang sống với chị Đ, chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H tốt. Anh D yêu cầu được nuôi cháu H nhưng hiện anh chưa có công việc ổn định. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu H nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Do chị Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản và nợ chung: Chị Đ và anh D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Kim Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phạm Kim Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng H sinh ngày 09/4/2019 cho chị Phạm Kim Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Kim Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0020010 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Hện T, chị Đ đã nộp xong án phí.

4. *Quyền kháng cáo*: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Đ và anh D được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi